

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 07 - 3 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quế – Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Nguyễn Văn C – Thẩm phán;

2. Bà Nguyễn Thu N – Kiểm sát viên.

- Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Vũ Đức D - Cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện B;

2. Ông Đỗ Danh H - Cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

TRẦN ĐỨC T1 - Sinh năm 1985.

Nơi sinh: Thị trấn Kẽ Sặt, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu Hạ, thị trấn Kẽ Sặt, huyện B, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Phạm Thị Ý, sinh năm 1965. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 17/01/2023 đến ngày 19/01/2023.

Tạm giam: Từ ngày 19/01/2023 đến nay tại Trại tạm giam – Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

*** Tại điểm cầu trung tâm:**

- Người chứng kiến:

+ Anh Nhữ Đình Đ, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

+ Anh Chu Xuân H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T1 là người nghiện ma túy. Khoảng 22 giờ ngày 16/01/2023, T1 đi bộ từ nhà ở khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương đến khu vực ngã 5, thị trấn K thuê xe ôm của người đàn ông không quen biết đến khu vực bờ sông thuộc xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi, T1 xuống xe và bảo người lái xe ôm đứng đợi, T1 đi bộ khoảng 100m gặp và mua của người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) 01 túi ma túy đá với giá 300.000đ. Sau khi mua được ma túy, T1 cầm trên tay rồi đi bộ quay lại chỗ người lái xe ôm để đi về. Khi về đến ngã 5, thị trấn K, T1 xuống xe đi bộ về nhà. Hồi 22 giờ 50 phút cùng ngày, trong lúc T1 đang đi bộ tại ngõ B đường L thuộc khu B, thị trấn K thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với Công an thị trấn K phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trong lòng bàn tay trái của T1 01 túi nilon kích thước (1,5 x 2)cm bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, T1 khai nhận là ma túy tổng hợp dạng đá, mua về để sử dụng.

Kết luận giám định số 117/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của Phòng K - Công an tỉnh H kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng thu giữ của Trần Đức T1 gửi đến giám định khối lượng là 0,269g là ma túy, loại Methamphetamine. H2 lại đối tượng giám định gồm 0,233g ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật. Methamphetamine - STT 247, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Vật chứng của vụ án: 0,233g ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì là mẫu vật hoàn lại sau giám định hiện Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã chuyển đến Chi thi hành án dân sự huyện B để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 20/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Đức T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức T1 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Đức T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- + Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đức T1 từ 13 tháng đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/01/2023.

- + Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- + Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 0,233g ma túy loại Methamphetamine, 1 vỏ túi nilon màu trắng và 1 vỏ phong bì là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Đức T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Trần Đức T1:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người chứng kiến; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

[2.2] Hồi 22 giờ 50 phút ngày 16/01/2023, tại ngõ B, đường L thuộc khu B, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương, Trần Đức T1 có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,269g ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B phối hợp Công an thị trấn K phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của chất ma túy đối với xã hội và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Quá trình điều tra xác định, bị cáo thực hiện hành vi cất giấu trái phép trên người 0,269g ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng do vậy hành vi của bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T1 là đối tượng nghiện ma túy, phạm tội nghiêm trọng, nhận thức được tác hại của chất ma túy nhưng vẫn cố ý tàng trữ để sử dụng thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 0,233g ma túy loại Methamphetamine là vật cấm lưu hành; 01 vỏ túi nilon màu trắng, viên khóa màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu M1 là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy đối với số vật chứng nêu trên.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông lái xe ô tô đã chở T1 đi mua ma túy và người đàn ông bán ma túy cho T1, đến nay không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332,

Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Đức T1 **14 (mười bốn)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/01/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 0,233g ma túy loại Methamphetamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng, viên khóa màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu M1 được niêm phong trong 01 phong bì thư niêm phong ghi số 117/KL-KTHS có dấu giáp lai của Phòng K - Công an tỉnh H và các chữ ký niêm phong mẫu vật.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 22/02/2022).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đức T1 phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV - CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải